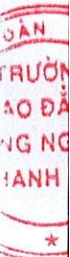


THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 9: từ ngày 12/10/2026 đến ngày 18/10/2026

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K11-DVTY P.E303	Sáng	GD thể chất (Hội) 4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4 B101	Dược lý (Duyên) 4 B101	Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hội) 2 P. TV
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hưng) 1 Giải phẫu SLVN (Hàng) 3	Tiếng Anh (Linh) 4	Tin học (Trường) 4 TH 3	GD Chính trị (Quế) 4 Tiếng Anh (Linh) 4
K12-DVTY P.E303	Sáng	GD thể chất (Hội) 4		Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hội) 2	
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) 1 Giải phẫu SLVN (Hàng) 3	Tiếng Anh (Linh) 4 TH 3	Tin học (Trường) 4 GD Chính trị (Quế) 4	Tiếng Anh (Linh) 4
K11-KTDN P.E305	Sáng	GD thể chất (Hội) 4		Nguyên lý thống kê (Hoa) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hội) 2 KT vi mô (Thủy) 4 E305
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thủy) 1 Kế toán DN 2 (Dung) E203 3	Tiếng Anh (Linh) 4 E303	Tin học (Trường) 4 TH 3	GD Chính trị (Quế) 4 E303 Tiếng Anh (Linh) 4 E303
K12-KTDN P.E305	Sáng	GD thể chất (Hội) 4		Nguyên lý thống kê (Hoa) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hội) 2 KT vi mô (Thủy) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thủy) 1 Kỹ năng mềm (Sơn) 3	Tiếng Anh (Linh) 4 E303	Tin học (Trường) 4 TH 3	GD Chính trị (Quế) 4 E303 Tiếng Anh (Linh) 4 E303
K12-ĐCN P.E203 Ghép với ĐCN66B2	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp) 1 Thiết bị điện GD (Giáp) 3	Chính trị (Tài) 4	GD thể chất (Quang) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức) 4 GD QP-AN (Mạnh) 4
	Chiều				
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT65A1 P.TH	Sáng				
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Khí tượng NN (Huyền) 3	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Chế biến BQSTH (Bình) 4	Cây rau (Lịch) 4 Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4
TT66A1 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Tiếng anh (Linh) 3	Tiếng anh (Linh) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Khuyến nông (Thọ) 4 Côn trùng ĐC (Lịch) 2 Tin học (Thoa) P.TH2 2
	Chiều				
CN65A1 P.B306	Sáng				
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lệ) 1 Trồng trọt cơ bản (Lịch) 3	Luật thú y (Nga) 2 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 2	Nuôi và PTB cho lợn (Hưng) 4 Nuôi và PTB cho trâu, bò đê, thỏ (Phượng) 4	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 4

CN65A3 P.B206	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Vân) KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà)	1 3	Trồng trọt cơ bản (Huệ)	4	Nuôi và PTB cho trâu, bò đê, thô (P. Phương)	4
CN66A1 P.B306	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) GD QP-AN (Mạnh)	1 3	Giải phẫu SLVN (Hằng)	4	Kỹ Thuật truyền giống (Hằng) Dược lý thú y (Lệ)	2 2
	Chiều						
CN66A3 P.B206	Sáng	Sinh hoạt lớp (Duyên) Dược lý thú y (Duyên)	1 3	Dược lý thú y (Duyên)	4	DD và TẢ chăn nuôi (Phượng)	4
	Chiều					Tiếng anh (K.Nhung)	4
LN65A P.B102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) Bảo vệ rừng (Tuyết)	1 3	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng)	4	Trồng và chăm sóc rừng (Hùng)	4
KTDN65A1 P.E203	Sáng						
	Chiều	Kế toán DN 2 (Dung) Sinh hoạt lớp (Dung)	2 1	Thống kê DN (Thuý)	4	KTNS xã, phường (Hoa)	4
KTDN65A2 P.E304	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (C.Thảo) Thống kê DN (Thuý)	1 2	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo)	4	Kế toán DN 2 (Dung)	4
KTDN65B CSDT	Sáng						
	Chiều	KT NS xã, phường (T Thảo) Sinh hoạt lớp (T.Thảo)	2 1	Kế toán DN 2 (Mai)	4	Thực hành KT trong DNSX (T.Thảo)	4
KTDN66A1 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thuý) Kỹ năng mềm (Sơn)	1 3	KT vi mô (Thuý)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều					Lý thuyết TCTT (C.Thảo) Pháp luật (Huyền)	2 2
KTDN66B CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai) Lý thuyết TCTT (Mai)	1 3	Tin học (Quang)	4	Tiếng Anh (T.Nhung)	4
	Chiều					Lý thuyết KT (T.Thảo)	4
CNTT65A1 TH1	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) QT CSDL với Access (Phương)	1 3	XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	4	Lập trình Window (Thảo)	4
CNTT65A2 TH2	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Phương) XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	1 3	Lập trình Window (Thanh)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4
CNTT66A1 TH1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tâm) Tin học (Tâm)	1 3	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học VP (Phương)	4
	Chiều					Tiếng anh (Linh) E303	4



CNTT66A2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Sơn)</i> Tin học VP (Phương)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung) PTHT1	4	Cấu trúc máy tính (Hà)	4	Tin học VP (Phương)	4	Kỹ năng mềm (Sơn) E303	4
	Chiều										
CNTT66A3 P.TH3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> Cấu trúc máy tính (Hà)	1 3	Kỹ năng mềm (Hoa) E303	4	GD thể chất (Hội)	4	Excel nâng cao (Thanh)	4	Tin học VP (Phương)	4
	Chiều										
CNTT66A5 P.TH Tầng 1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> GD thể chất (Thúy)	1 3	Tin học (Phương)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	Excel nâng cao (Thanh)	4
	Chiều										
CNTT66A4 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> Cấu trúc máy tính (Quang)	1 3	Tin học (Quang)	4	Tiếng Anh (T.Nhung)	4	Tin học VP (Tâm)	4	Tiếng Anh (T.Nhung)	4
	Chiều										
DCN65A1 P.E104	Sáng										
	Chiều	KTML và ĐHKK (Giáp) <i>Sinh hoạt lớp (Đ. Đức)</i>	2 1	Cung cấp điện (H. Anh)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (H. Anh)	4
DCN65A2 P.E103	Sáng										
	Chiều	Cung cấp điện (P. Anh) <i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i>	1 1	KTML và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (P. Anh)	4	Cung cấp điện (P. Anh)	4	KTML và ĐHKK (Giáp)	4
DCN65B2 P.E102	Sáng										
	Chiều	Trang bị điện (Dương) <i>Sinh hoạt lớp (H. Anh)</i>	2 1	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Trang bị điện (Dương)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4
DCN65B3 P.E101	Sáng										
	Chiều	Trang bị điện (Nga) <i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i>	2 1	Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4
DCN 65B1 CSDT	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ng. Đức)</i> Thiết bị điện GD (Huân)	1 3	Trang bị điện (Đ. Đức)	2	Trang bị điện (Đ. Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Nga)	4
DCN66A1 P.E301	Sáng	Chính trị (Tài)	4	Pháp luật (Huyền)	4	Thiết bị điện GD (Đ.Đức)	4	An toàn điện (Huyền)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền)	4
	Chiều										
DCN66A2 P.E204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> Thiết bị điện GD (Tuấn)	1 3	Chính trị (Quế)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Tuấn)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4
	Chiều										
DCN66A3 P.E201	Sáng	Thiết bị điện GD (Dương)	4	GD thể chất (Hà)	4	Chính trị (Quế)	4	An toàn điện (Hoà)	4	Pháp luật (Huyền)	4
	Chiều										



ĐCN66A4 P.E202	Sáng	Sinh hoạt lớp (P. Anh) An toàn điện (P. Anh)	1 3	Pháp luật (Nga)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4		
	Chiều												
ĐCN66B2 P.E203	Sáng	Sinh hoạt lớp (Giáp) Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	Chính trị (Tài)	4	GD thể chất (Quang)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4		
	Chiều												
ĐCN 66B1 CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) An toàn điện (Ng. Đức)	1 3	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Chính trị (Quế)	4	GD thể chất (Quang)	4		
	Chiều												
CBBQ65	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Chế biến nước mắm (Liên)	1 3	Chế biến lạnh đông TS (Năm)	2	Kỹ thuật điện (Năm)	4	Phụ gia thực phẩm (Liên)	4	Sản xuất sạch hơn(Năm) Chế biến lạnh đông TS (Năm)	2 2		
NTTS 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ánh) Thủy sinh vật (Ánh)	1 3	GD QP-AN (Mạnh)	4	ATLĐ trong nuôi thủy sản (Liên)	4	Chính trị (Quế)	4	GD thể chất (Quang)	4		
	Chiều												
KTMĐT65	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) Tự động MTT (Đồng)	1 3	Động cơ đốt trong (Đồng)	2	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đồng)	4	Vận hành CBHDL chính DTT (Đồng)	4		
KTMĐT 66	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 3	GD QP-AN (Mạnh)	4	Môi trường và bảo vệ MT thủy (Ánh)	4	Chính trị (Quế)	4	GD thể chất (Quang)	4		
	Chiều												
DKTB65	Sáng												
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Ánh) Tiếng anh CN (T.Nhung)	1 3	Tiếng anh CN (T.Nhung)	2	Bảo quản vỏ tàu (Tiến)	4	Tin học hàng hải (Quang)	4	Điều động tàu (Trung)	4		
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN													
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật			
TT65A2 P.B102	Sáng	Phòng trừ dịch hại (Triệu)				4	Sinh hoạt lớp (Bình) Cây dược liệu (Thọ)				1 3	Cây rau (Huyền)	4
	Chiều	Chế biến bảo quản STH (Bình)				4	Côn trùng đại cương (Huệ)				4	Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)	4
CN65A2 CN66A2 P.B101	Sáng	Trồng trọt cơ bản (Bình)				4	Sinh hoạt lớp (Phượng) Ký sinh trùng TY (Phượng)				1 3	Quản trị kinh doanh (Thủy)	4
	Chiều	CĐ và ĐTH thú y (Vân)				4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)				4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Lưu